TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vân Khanh;

2. Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 769/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Quang H, sinh năm 1984; thường trú: Số 19 đường D12, khu dân cư B, khu phố A, phường C, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị D, sinh năm 1987; thường trú: Số 19 đường D12, khu dân cư B, khu phố A, phường C, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

(Anh Lê Quang H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, chị Trần Thị D vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Lê Quang H trình bày:

Anh Lê Quang H và chị Trần Thị D có thời gian dài tìm hiểu nhau, đến năm 2011 thì kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 162/KH/2011, quyển số 02, ngày 20/10/2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa chỉ số 19, đường D12, khu dân cư B, khu phố A, phường C, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Lúc trước, anh H đi làm cho công ty, tiền lương mỗi tháng khoảng 20.000.000 đồng, hiện tại anh H tự mở xưởng chế biến hạt điều. Quá trình chung sống giữa anh H và chị D trong ba năm đầu rất hạnh phúc, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Anh H và chị D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong nhiều vấn đề về quan điểm sống, chị D không chăm lo cho gia đình, con cái, chị D bỏ nhà đi mỗi khi vợ chồng cãi nhau. Đến khoảng tháng 8/2017 thì chị D bỏ đi. Thời gian đầu, chị D có về thăm con 01 lần/tuần, nhưng từ tháng 6/2018 đến nay thì chị D không về thăm con và không còn liên lạc với anh H. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị D.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh Lê Quang H và chị Trần Thị D có 02 con chung tên Lê Trần Khánh L, sinh ngày 19/5/2012 và Lê Huyền Tr, sinh ngày 20/11/2016. Hiện nay các con đang sống với anh H. Sau ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn chị Trần Thị D:* Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để làm việc, viết bản tự khai vào ngày 30/8/2019; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 23/9/2019; tham gia phiên tòa ngày 11/10/2019 và 29/10/2019 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2019, cháu Lê Trần Khánh L trình bày:* Ba mẹ cháu L không còn sống chung, cháu L đang sống với ba. Thời gian trước, mẹ có về thăm cháu 01 lần/tuần nhưng nay cháu L không thấy mẹ về thăm nữa. Nếu Tòa án giải quyết cho ba mẹ ly hôn, cháu L muốn được sống với ba, vì từ lúc mẹ bỏ đi, ba là người chăm sóc cho cháu. Lời khai của cháu là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc cháu.

- *Ngày 23/8/2019 Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa anh Lê Quang H và chị Trần Thị D tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường C và được cung cấp như sau*: Hội Liên hiệp phụ nữ phường C không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Quang H và chị Trần Thị D. Đồng thời Hội Liên hiệp phụ nữ phường C cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào, vấn đề con chung, công việc và thu nhập Hội Liên hiệp phụ nữ phường C cũng không biết nên không cung cấp được thông tin cho Tòa án.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Lê Quang H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con với bị đơn chị Trần Thị D, chị D có nơi cư trú tại địa chỉ số 19 đường D12, khu dân cư B, khu phố A, phường C, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyền của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh Lê Quang H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn chị Trần Thị D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quang H và chị Trần Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Tân Đông Hiệp, thị xã D, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 162/KH/2011, quyển số 02, cấp ngày 20/10/2011 đúng với quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo nguyên đơn anh H trình bày, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong nhiều vấn đề về quan điểm sống, chị D không chăm lo cho gia đình, con cái, dẫn đến vợ chồng cãi nhau, mỗi khi vợ chồng cãi nhau thì chị D bỏ nhà đi. Anh H và chị D sống ly thân từ tháng 08/2017 đến nay.

Xét thấy, Tòa án đã triệu tập chị D có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến nhằm hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị D không đến và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị D đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai bên đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, anh H và chị D có hai con chung là Lê Trần Khánh L, sinh ngày 19/5/2012 và Lê Huyền Tr, sinh ngày 20/11/2016. Căn cứ vào lời khai của anh H thì từ khi chị D không sống cùng anh

H, hai con chung vẫn do anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, theo lời khai của cháu Lê Trần Khánh L cũng xác định từ khi chị D bỏ đi, anh H là người chăm sóc cháu L, cháu L có nguyện vọng được sống với anh H nếu Tòa án giải quyết cho ba mẹ cháu ly hôn. Tòa án đã triệu tập chị D để trình bày ý kiến về con chung nhưng chị D vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng. Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"2. Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con…trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con…".* Xét cháu Lê Trần Khánh L, cháu Lê Huyền Tr đang sống ổn định với anh H; yêu cầu của anh H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là phù hợp, đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con nên có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Quang H phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quang H được ly hôn với chị Trần Thị D (Giấy chứng nhận kết hôn số 162/KH/2011, quyển số 02, ngày 20/10/2011 do Uỷ ban nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương cấp).

2. Về con chung: Giao con chung Lê Trần Khánh L, sinh ngày 19/5/2012 và Lê Huyền Tr, sinh ngày 20/11/2016 cho anh Lê Quang H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Quang H không yêu cầu chị Trần Thị D cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Trần Thị D có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, anh Lê Quang H không được cản trở chị Trần Thị D thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Quang H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029021 ngày 02/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại cá Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- UBND phường T,
thị xã D, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Trang